

Số: 130/ CV-BV
V/v mời chào giá Máy theo dõi
bệnh nhân, Máy điện tim

Vũ Thư, ngày 01 tháng 07 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm Máy theo dõi bệnh nhân, Máy điện tim của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sỹ Vũ Văn Huỳnh - Trưởng khoa Dược bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư, SĐT: 0983.136.575, Email: Vuhuynh1507@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy có dấu đỏ: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn Thư Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư, Địa chỉ Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; SĐT: 0227.3826.306.

- File mềm: Gửi vào địa Email: Vuhuynh1507@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến trước 17h ngày 11 tháng 07 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 11 tháng 07 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm Máy theo dõi bệnh nhân, Máy điện tim (theo phụ lục I đính kèm).

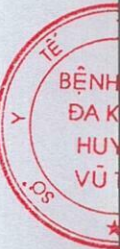
2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư (Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.



- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- Giá trị thanh toán: Theo khối lượng và giá trị từng đợt nghiệm thu hợp đồng.
- Điều kiện, thời hạn thanh toán: Nhà thầu đã hoàn thành việc cung cấp, bàn giao đầy đủ đúng số lượng, chất lượng và thời gian giao nhận cho bệnh viện. Số hàng hóa sẽ được hai bên nghiệm thu theo từng đợt. Bệnh viện sẽ thanh toán 100% giá trị nghiệm thu trong vòng 90 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận đầy đủ hồ sơ chứng từ thanh toán.

5. Các thông tin khác.

Nhà thầu áp dụng mẫu báo giá theo Phụ lục 02 đính kèm công văn này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website bệnh viện ĐK Vũ Thư;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Lương



PHỤ LỤC 02: BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /CV-BV, ngày 01 tháng 07 năm 2024 của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư)

TÊN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: **Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /CV-BV ngày tháng năm của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư, chúng tôi [*Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

Stt	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTYT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VNĐ) (nếu có)	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (tại đơn vị nào)	Số quyết định trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
1	Thiết bị A													
2	Thiết bị B													
3														
....														

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2024

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.....năm 2024

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

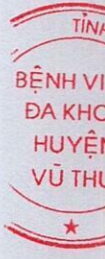
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: *Cột phân loại trang thiết bị y tế (Loại A/B/C/D; nếu không có ghi: Không phân loại)*

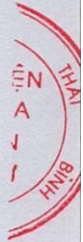
PHỤ LỤC 1: DANH MỤC MUA SẮM MÁY THEO DỐI BỆNH NHÂN, MÁY ĐIỆN TIM
(Kèm theo công văn số: *ASD/CV-BV* ngày 01 tháng 07 năm 2024 của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Máy theo dõi bệnh nhân	<p>Màn hình: Màn hình cảm ứng màu 12,1 inch Hiện thị: 8 dạng sóng. Chỉ số: Chỉ số báo động Cảnh báo: Cảnh báo bằng đèn. Tiếng bíp và âm thanh báo động</p> <p>EKG Đầu vào: 5 cáp đầu vào ECG và tiêu chuẩn AAMI đường dây để kết nối Lựa chọn chính: I, II, III, aVR, aVL, aVF, V, V1-V6, TEST Lựa chọn khuếch đại: x0.5, x1, x2, x4. Đặc tính tần số: 0.05 ~ 35 HZ (+3dB) Dạng sóng ECG: 7 kênh. Điện áp thâm nhập: 4000VAC 50/60Hz Tốc độ quét: 12.5, 25, 50, 100 mm/sec (trái sang phải hoặc phải sang trái). Phạm vi HR: 30 ~ 300bpm. Độ chính xác: ± 1bpm or $\pm 1\%$,</p> <p>RESP Phương pháp đo: Trở kháng RA-LL. Dải: 0 ~ 120 rpm. Độ chính xác: ± 3 rpm Dải cài đặt cảnh báo: 6 ~ 120 rpm. Giới hạn thấp 3 ~ 120 rpm</p> <p>NIBP Công nghệ đo: đo dao động tự động. Thời : <30s (0 ~ 300 mmHg, tiêu chuẩn người lớn) Thời gian đo: AVE<40s. Chế độ: Hướng dẫn sử dụng, khoảng đo tự động trong Chế độ tự động 2~4 h. Dải đo: Chế độ người lớn /trẻ em: SYS: 40 ~ 250 (mmHg) DIA :15 ~ 200 (mmHg). Chế độ sơ sinh: SYS: 40 ~ 135 (mmHg). DIA : 15 ~ 100 (mmHg)</p> <p>Độ chính xác: Lỗi trung bình tối đa: ± 5mmHg. Độ lệch chuẩn tối đa: 8mmHg Độ phân giải: 1mmHg. Bảo vệ quá áp: Chế độ người lớn: 300 (mmHg). Chế độ sơ sinh: 160 (mmHg) Cài đặt giới hạn cảnh báo: SYS: 50 ~ 240 mmHg. DIA: 15 ~ 180 mmHg</p> <p>TEMP Dải: 25 ~ 50 (°C) Độ chính xác: $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$ (25.0 ~ 34.9°C); $\pm 0.1^{\circ}\text{C}$ (35.0 ~ 39.9°C); $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$ (40.0 ~ 44.9°C); $\pm 0.3^{\circ}\text{C}$ (45.0 ~ 50.0°C)</p> <p>SpO2 ASpO2: SpO2 chống chuyển động. Dải SpO2% : 0-100% Độ chính xác SpO2 : $\pm 2\%$ (70 ~ 100%, không chuyển động); $\pm 3\%$ (70 ~ 100%, chuyển động). Phạm vi xung: 30-250 bpm Độ chính xác xung nhịp: ± 2 bpm (không chuyển động); ± 3 bpm (chuyển động) Cài đặt giới hạn cảnh báo: 70 ~ 100%, Đầu dò SpO2: Bước sóng ánh sáng đỏ 660nm\pm5nm Bước sóng ánh sáng hồng ngoại 940nm\pm10nm IBP (Tùy chọn) Dải đo: -50 ~ 300mmHg. Kênh: 2 kênh</p>	5	Máy

		<p>Đầu dò áp suất: Sensitivity, 5μV/V/mmHg. Phạm vi trở kháng: 300 ~ 3000Ω</p> <p>Đầu dò site: ART, PA, CVP, RAP, LAP, ICP</p> <p>EtCO2 (Tủy chọn)</p> <p>Dải đo CO2: 0 ~ 99 mmHg</p> <p>Độ chính xác: ± 2 mmHg (0 ~ 38 mmHg); 39-99 mmHg $\pm 5\%$ đọc + 0.08% cho mỗi 1 mmHg (trên 38 mmHg).</p> <p>C.O. (Lượng máu tim bơm ra) (Tủy chọn).</p> <p>Phương pháp đo: Phương pháp điều nhiệt</p> <p>Dải đo C.O. 0.1 tới 20 L/phút; TB 23 tới 43; TI 0 tới 27</p> <p>Độ phân giải: C.O. 0.1 L/phút; TB, TI 0.1</p> <p>Chất gây mê (Tủy chọn)</p> <p>Phương pháp: Sự hấp thụ hồng ngoại</p> <p>Các loại khí: Halothane, Isoflurane, Enflurane, Sevoflurane, CO2, N2O, O2 (Tác nhân ID tự động tủy chọn)</p> <p>Phạm vi đo: Halothane, Isoflurane: 0 ~ 8,5% ; Enflurane, Sevoflurane: 0 ~ 10%</p> <p>Desflurane: 0 ~ 20%; CO2: 0 ~ 10%; N2O: 0 ~ 100%; O2: 0 ~ 100%</p> <p>Xu hướng:</p> <p>Halothane, Isoflurane, Enflurane, Sevoflurane, Desflurane: $\pm(0.15 \text{ Vol\%} + 15\% \text{ rel.})$</p> <p>CO2: $\pm(0.5 \text{ Vol\%} + 12\% \text{ rel.})$; N2O: $\pm (2 \text{ Vol\%} + 8\% \text{ rel.})$; O2: $\pm 3 \text{ Vol\%}$</p> <p>Kết nối mạng: Mạng không dây chuẩn 802.11b/g</p>		
2	<p>Máy điện tim</p>	<p>Màn hình LCD màu, có thể xem lại dữ liệu dễ dàng.</p> <p>Màn hình hiển thị 12 đạo trình điện tim</p> <p>Phân tích điện tim 12 đạo trình.</p> <p>Có thể nhận sóng điện tim 12 đạo trình đồng thời, lên tới 24 giây và phân tích với khoảng 200 mục tim và 5 thư mục</p> <p>Ghi mở rộng:</p> <p>Khi phát hiện loạn nhịp, ghi đạo trình nhịp hoặc nhóm đạo trình có thể tự động được mở rộng. Có thể ghi đạo trình nhịp. Mỗi phút có thể ghi sóng điện tim ECG theo từng đợt. Có thể chọn ghi nhịp 1 hoặc 3 kênh.</p> <p>Giấy ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy in nhiệt trong máy có thể ghi 6 vết ECG trên giấy 110 mm. - Bàn phím cập nhật dữ liệu - Để phân biệt bệnh nhân và để nhập dữ liệu, người sử dụng có thể nhập ID bệnh nhân với bàn phím có số và ký tự. <p>Dùng Ấc quy/AC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể dùng nguồn điện xoay chiều AC và ắc quy. Có thể đo ≥ 60 phút liên tục. <p>Lưu trữ thông số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể lưu giữ ≥ 40 file điện tim trong bộ nhớ. Có thể lưu ≥ 3000 file điện tim trong SD card 64MB - Truyền dữ liệu dễ dàng bằng USB hoặc mạng Lan không dây: - Có thể truyền dữ liệu điện tim vào máy tính với lựa chọn thẻ SD, mạng LAN USB hoặc card LAN không dây và xem lại với phần mềm xem lại điện tim. <p>Thu tín hiệu điện tim:</p>	1	Máy



- Mạch vào: Được cách ly và bảo vệ để tránh sốc điện tim. (BJ-901D, BJ-902D hoặc BA-901D)
- Đạo trình ECG: 12 đạo trình. Độ nhạy: 10mm/mV \pm 2%
- Hiệu chuẩn điện thế: 10mm/mV \pm 2%. Điện trở vào: \geq 20M Ω
- Hệ số lọc nhiễu: \geq 100dB. Điện áp Offset: \geq \pm 550mV
- Tần số đáp ứng: 0.05Hz đến 150 Hz (-3dB) (bộ lọc chống trôi: off, lọc cao tần: 150Hz)
- Chuyển đổi tín hiệu số: 20 μ V/LSB, 16 bit. Kiểm tra điện cực: Mỗi điện cực trừ N (RF)
- Thời gian thu tín hiệu điện tim khi ghi tự động: 10 – 24s
- Xử lý tín hiệu:
 - Tỷ lệ lấy mẫu phân tích: \geq 500 mẫu/giây. Tỷ lệ thu thập mẫu: \geq 8000mẫu/giây
 - Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50/60Hz. Hằng số thời gian: \geq 3.2s
 - Bộ lọc cao tần: 75, 100, 150 Hz. Bộ lọc nhiễu điện cơ: 25, 35 Hz
 - Phát hiện trạng thái sóng: tuyệt điện cực (điện thế), độ nhiễu (cao tần)
 - Điện thế phát hiện nhỏ nhất: \leq 20 μ Vp-p. Bộ lọc chống trôi: Yếu: 0.1 Hz (-20db) Mạnh: 0.1 Hz (-34db)
- Hiện thị:
 - Hiện thị trên màn hình tinh thể lỏng. Cỡ màn hình: \geq 5.7 inch
 - Độ phân giải: \geq 320 x 240 dots
 - Hiện thị thông số: 12 đạo trình sóng điện tim, thông tin bệnh nhân, đặt chế độ ghi, mã hoạt động, nhịp tim, phức hợp QRS, đánh dấu CAL, Báo lỗi, tiếp xúc điện cực, độ nhiễu
 - Dạng sóng ECG: 12 đạo trình (2.88 s/lead)
- Ghi:
 - Xử lý in: Đầu in nhiệt có độ phân giải cao.
 - Mật độ in: 200dpi (8dots/mm), 320 dot/mm2 (25mm/s)
 - Chiều ngang: 40 dots/mm (25 mm/s) Chiều dọc: 8 dots/mm
 - Mật độ dòng quét: 1ms
 - Khổ giấy: 110mm. Độ rộng ghi: 104 mm
 - Số kênh: 3, 4, 6. Tốc độ giấy: 10, 12.5, 25, 50 mm/s. Số đường ghi : \geq 26
 - Độ nhạy: 5, 10, 20mm/mV (có thể tự động làm giảm độ nhạy xuống 2.5mm/mV hoặc 1.25 mm/mV khi bắt đầu chỉnh tự động và tín hiệu điện tim biên độ cao quá mức)
 - Ghi dạng lưới: có thể
 - Thông số ghi: Loại chương trình ghi, ngày tháng năm, giờ phút, tốc độ giấy, độ nhạy, tên đạo trình, Bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân (số ID, họ tên, tuổi, giới tính), đánh dấu thời gian, đánh dấu kết quả phân tích, báo tuột điện cực, độ nhiễu Nhiều cơ khí: 48 dB hoặc ít hơn với tốc độ giấy 10, 12.5, 25 mm/s
 - Loại giấy ghi: dài 20m, Z-fold, 140 mm/trang
- Phân tích điện tim:
 - Tên chương trình: ECAPS 12C
 - Tuổi bệnh nhân phân tích: 3 tuổi đến người lớn. Thời gian phân tích: 5 giây
- Giao diện:
 - Đầu vào ngoài 1 đầu nối ra CRO: 1 công
 - Đầu nối USB loại A: 1 công (cho adapter LAN hoặc adapter RS232C)
 - Đầu nối USB loại B: 1 công (không sử dụng)
 - Khe cắm thẻ SD: 1 công (cho thẻ nhớ SD hoặc card LAN không dây SD)



	<p>Đầu vào/ đầu ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tín hiệu vào: 10 mm/0.5 V \pm5%, điện trở đầu vào 100kΩ hoặc nhiều hơn. - Tín hiệu ra: 1 mV/0.5 V \pm5%, điện trở đầu ra 100Ω hoặc nhỏ hơn. <p>Nhu cầu điện năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện nguồn 100 đến 240V \pm 10%. 50/60Hz. Nguồn vào: \geq 120 VA - Điện năng tiêu thụ: \leq49 W. Ác quy: X071, SB-901D, NiMH - Điện áp : 12 V. Dòng điện tiêu thụ: \leq6 A - Thời gian sử dụng: \geq60 phút khi sạc đầy pin. Thời gian sạc: 10 giờ <p>Môi trường hoạt động:</p> <p>Máy chính. Nhiệt độ : 5 – 40 độ C. Độ ẩm: 25 - 95%. Thời gian lưu trữ và nhiệt độ: -20 đến 65°C. Độ ẩm lưu trữ: 10 đến 95% RH. Áp suất môi trường lưu trữ và sử dụng: 700 đến 1060 hPa</p> <p>Ác quy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm: 20 - 85%. - Thời gian lưu trữ và nhiệt độ: 30 ngày hoặc ít hơn: - 20 đến 50°C; 90 ngày hoặc ít hơn: - 20 đến 40°C; 1 năm hoặc ít hơn: -20 đến 30°C. Độ ẩm lưu trữ: 10 đến 85% RH <p>Giấy ghi</p> <p>Độ ẩm: 25 – 80% RH. Nhiệt độ lưu trữ: -20 đến 50 độ C</p> <p>Độ ẩm: 10 – 90% RH</p>		
--	--	--	--